TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/HS-PT
Ngày 15 tháng 6 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Doanh.

Bà Nguyễn Thị Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chiến và bà Phùng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 51/2026/TLPT-HS ngày 17/4/2026 do có kháng cáo của bị cáo Bàn Thương D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 75/2026/HS-ST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2026/QĐXXPT-HS ngày 01/6/2026.

**** Bị cáo có kháng cáo***:

Họ và tên: **Bàn Thương D** (tên gọi khác: Không); sinh năm 1994, số CCCD: 008094005853; Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã K, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở: Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Triệu Văn Đ và bà Bàn Thị X; có vợ là Nguyễn Thị Thùy D1; có 01 con chung, sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định: Ông Vũ Văn C - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của gia đình và bị cáo:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc A, bà Trần Thị Quỳnh T, Luật sư Công ty L2 Nguyễn Ngọc A và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; Địa chỉ: Số E, tổ A phường L, tỉnh Thái Nguyên. Đều có mặt.

+ Ông Nguyễn Xuân S, Luật sư - Công ty L3 - Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

**** Ngoài ra:*** Trong vụ án còn có 04 bị cáo khác không kháng cáo, gồm Dương Văn T1, Lã Mai L, Nguyễn Thị L1, Bùi Văn T2. Đều có mặt.

Và **277** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị. Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2024, Bàn Thương D trao đổi với Dương Văn T1 về việc cùng nhau kinh doanh bán hàng trên sàn thương mại điện tử A để kiếm tiền. Do thời điểm này hoàn cảnh kinh tế của T1 khó khăn nên D sẽ đầu tư toàn bộ thiết bị máy tính, T1 sẽ đóng góp công sức trong thời gian đầu đến khi kinh doanh có hiệu quả. Sau đó D và T1 thống nhất mỗi người góp vốn 50.000.000đ, khi phát sinh lợi nhuận thì D được hưởng 55%, T1 hưởng 45%. Địa điểm để làm việc và lắp đặt các thiết bị máy tính là tại chỗ ở của D thuộc tổ B, phường T, TP T (nay là tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên).

Tháng 7/2024, D và T1 bắt đầu kinh doanh các mặt hàng gồm: Áo, cốc, giấy gói quà…trên sàn Amazon. Tuy nhiên để bán được các mặt hàng trên sàn thương mại điện tử A1 thì phải có nhiều tài khoản bán hàng. Ban đầu, D và T1 sử dụng thông tin cá nhân của mình để mở tài khoản nhưng do mỗi người chỉ được đăng ký 01 tài khoản nên hiệu quả kinh doanh không cao. Các tài khoản bán hàng Amazon lại thường xuyên bị khóa, vô hiệu hóa, vi phạm chính sách của A1 nên không đăng bán được nhiều sản phẩm. Bên cạnh đó, sàn A1 có chính sách hỗ trợ phí duy trì tài khoản (hoàn tiền) tháng đầu tiên cho các tài khoản mới đăng ký với số tiền là 39,99 đô la Mỹ (USD) tương đương khoảng 1.030.000VNĐ/tài khoản nên D, T1 xác định cần phải mở nhiều tài khoản bằng cách sử dụng thông tin của nhiều người khác nhau để bán hàng và hưởng chính sách ưu đãi. Việc tìm người mở tài khoản bán hàng trên Amazon được D giao cho T1 thực hiện. Kinh phí để trả cho người mở tài khoản do D chuyển cho T1 thì tùy thời điểm, D đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản cho T1 để T1 trả tiền cho người mở tài khoản, cho thuê tài khoản. Sau đó, T1 đã đăng quảng cáo trong các hội, nhóm trên mạng xã hội Facebook (chủ yếu là các hội nhóm sinh viên) để tìm người mở tài khoản Amazon với tiền công trả cho mỗi người từ 500.000đ đến 700.000đ.

Quá trình hoạt động kinh doanh đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện sự việc, D và T1 đã thuê 09 nhân viên làm việc tại văn phòng với mức lương 5.000.000đ/người/tháng, gồm: Lã Tùng D2, sinh năm 2003, HKTT: xóm T, xã

P, tỉnh Thái Nguyên và Nguyễn Tuấn H, sinh năm 2002, HKTT: Tổ F, phường P, tỉnh Thái Nguyên – là các nhân viên thiết kế hình ảnh sản phẩm, 07 nhân viên đăng bán sản phẩm, gồm: Lã Mai L, sinh năm 2002, HKTT: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Lạng Sơn, chỗ ở hiện tại: Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Thị L1, sinh năm 2002, HKTT: xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên; Bùi Văn T2, sinh năm 2003, HKTT: Thôn I, xã D, TP Hà Nội; Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1999, HKTT: Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên; Nông Thị P, sinh năm 2003, HKTT: xóm H, xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Thị H1, sinh năm 2003, HKTT: xóm Đ, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Lý Thị Y, sinh năm 2003, HKTT: xóm N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Mỗi nhân viên làm việc tại văn phòng được giao quản lý, sử dụng 01 máy tính có kết nối Internet để thực hiện đăng bán sản phẩm từ các tài khoản bán hàng Amazon. Để tạo được nhiều tài khoản bán hàng A1, D2 và T1 giao chỉ tiêu cho mỗi nhân viên phải duy trì được 03 tài khoản/tháng thì được nhận đủ lương, nếu tìm được nhiều hơn 03 người mở tài khoản bán hàng Amazon thì nhân viên sẽ được thưởng.

Về quy trình tạo tài khoản bán hàng như sau: T1 trực tiếp thực hiện hoặc hướng dẫn nhân viên thực hiện thu thập các thông tin, tài liệu của người cho thuê thông tin tài khoản gồm: Họ tên, năm sinh, số điện thoại, ảnh căn cước công dân, tài khoản Email, bản sao kê lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng (cá nhân phải tự sao kê với khoảng 30 giao dịch gần nhất), số thẻ VISA, ngày hết hạn, số CVV/CVC (mã bảo mật) thẻ VISA. Đây là những điều kiện cần phải có để mở được tài khoản Amazon. Đồng thời cá nhân cũng phải tạo ví điện tử P1 để nhận tiền bán hàng của A1 và sau khi tạo xong D2 là người quản lý. Nếu người nào chưa có thẻ VISA sẽ được T1 và nhân viên hướng dẫn đăng ký mở thẻ Online (trực tuyến) từ ứng dụng Internet Banking. Thực hiện xong các thao tác, A1 yêu cầu xác thực khuôn mặt và hẹn cung cấp mã số kích hoạt về địa chỉ trên căn cước công dân sau khoảng 2 đến 3 ngày. Lúc này cá nhân cho thuê tài khoản được T1 trả 150.000đ/người là tiền công tạo tài khoản ban đầu và phí sao kê tài khoản ngân hàng. Nhận được mã kích hoạt, cá nhân cho thuê tài khoản gửi lại cho T1 hoặc các nhân viên để thực hiện kích hoạt tài khoản. Khi tài khoản bán hàng được xác thực, D2 sẽ chuyển tiền cho T1 hoặc nhân viên để chuyển tiếp số tiền với 39,99 USD (tương ứng khoảng 1.030.000đ) vào thẻ VISA của người tạo tài khoản để thanh toán phí thuê sàn A1 là 39,99 USD/tháng. Đối với tài khoản mới đăng ký lần đầu, sàn A1 có chính sách hoàn lại cho chủ tài khoản là 39,99 USD. Để lấy lại số tiền này, T1 hoặc nhân viên viết đề nghị bằng tiếng Anh xin hỗ trợ hoàn phí gửi đến A. Sau khoảng 2 đến 3 ngày thì A1 sẽ chuyển lại số tiền này vào thẻ VISA của cá nhân người cho thuê tài khoản rồi họ chuyển lại cho T1, D2 hoặc nhân viên. Khi nhận tiền phí do A1 hoàn lại trong tháng đầu tiên, D2, T1 hoặc nhân viên sẽ thanh toán tiền công còn lại cho người tạo tài khoản là 550.000đ.

Đến khoảng tháng 9/2024, khi A1 nâng phí duy trì tài khoản lên 39,99 USD, do lo sợ người mở tài khoản bán hàng sử dụng tiền phí thuê sàn trong thẻ VISA, D2 và T1 thống nhất viết "Giấy cam kết" với người mở tài khoản. D2 là người ký với tư cách người sử dụng tài khoản (Bên A). Nội dung cam kết là bên

A chỉ sử dụng thông tin cá nhân của chủ thông tin để bán hàng theo chính sách của A1, không làm việc vi phạm pháp luật để người tạo tài khoản Amazon tin tưởng, yên tâm. Trên thực tế, những người được thuê tạo tài khoản Amazon hoàn toàn không biết việc D2, T1 cùng các nhân viên thu thập, lưu trữ lại thông tin về tài khoản ngân hàng của mình và không biết việc thu thập, tàng trữ đó nhằm mục đích gì.

Quá trình thuê người khác mở tài khoản Amazon như nêu trên, D2 đã tạo lập 01 file Excel đặt tên là "TỔNG ACC AMAZON EZON" lưu trữ trực tuyến trên tài khoản Google drive của D2 có địa chỉ (trên không gian mạng) để cập nhật, lưu trữ những thông tin cá nhân, thông tin tài khoản ngân hàng, thông tin thẻ VISA của những người cho thuê tài khoản. Sau đó D2 chia sẻ liên kết cho T1 cùng quản lý. D2 giao cho T1, L, L1 thu thập, cập nhật những thông tin này để lưu vào file nhằm phục vụ cho việc quản lý, điều hành kinh doanh. Ngoài ra, D2 còn yêu cầu T1 và các nhân viên giữ lại bản sao kê tài khoản ngân hàng của những người cho thuê mở tài khoản Amazon với nhiều hình thức như: Lưu giữ bằng file hình ảnh, định dạng pdf trên điện thoại, máy tính, lưu tài liệu giấy tại nơi làm việc.

Ngày 14/3/2025, Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh T tiến hành kiểm tra, lập biên bản sự việc tại chỗ ở của Bàn Thương D. Tại thời điểm kiểm tra có 05 người gồm: Nguyễn Thị L1, Bùi Văn T2, Nông Thị P, Nguyễn Thị H1, Lý Thị Y. Tại máy tính do Nguyễn Thị L1 quản lý, sử dụng phát hiện file Excel đặt tên là "TỔNG ACC AMAZON EZON" lưu trữ 262 thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác. Qua xác minh có 249 tài khoản ngân hàng có thông tin chủ tài khoản. Kết quả điều tra xác định: Dương Văn T1 đã trực tiếp thu thập 132 thông tin tài khoản/132 người; số còn lại do các nhân viên hoặc người thân của Duy thực hiện việc thu thập rồi tàng trữ trái phép. T1 trực tiếp thực hiện việc xin hoàn phí từ sàn Amazon đối với 84 tài khoản với tổng số tiền 82.112.006đ.

Lã Mai L làm việc cho D, T1 từ tháng 7/2024 đến đầu tháng 3/2025. Tổng số tiền lương được nhận khoảng 31.000.000đ. Ngoài công việc đăng bán các sản phẩm trên sàn Amazon, L đã trực tiếp thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng đối với 28 tài khoản để đăng ký tạo lập 28 tài khoản bán hàng Amazon. Từ tháng 10/2024, L còn được T1 gửi cho địa chỉ liên kết đến tập tin "TỔNG ACC AMZ EZONE.xlsx", khi đó L biết tập tin này ngoài lưu trữ thông tin tài khoản bán hàng Amazon còn lưu trữ thông tin tài khoản ngân hàng. Đến tháng 12/2024, do T1 không thường xuyên đến văn phòng nên L được T1 giao nhập dữ liệu thông tin tài khoản ngân hàng của những người mà L và mọi người đã thu thập được vào tập tin trên. Đến ngày 03/3/2025, khi L nghỉ làm tại văn phòng thì D chỉ đạo L chia sẻ địa chỉ liên kết tập tin này cho Nguyễn Thị L1 tiếp tục quản lý với 262 thông tin tài khoản ngân hàng của người khác gồm: *Tên chủ tài khoản, số tài khoản ngân hàng, số thẻ VISA, số CVV (mã bảo mật) trên thẻ VISA, ngày hết hạn thẻ VISA*… Cũng trong tháng 12/2024, do hoạt động bán hàng trên sàn Amazon không có hiệu quả nên T1 không tham gia cùng D nữa. T1 giao việc gửi đề nghị xin lại phí duy trì tài khoản tháng đầu tiên của tài

khoản bán hàng Amazon mới đăng ký cho L. L đã trực tiếp xin hoàn phí từ sàn Amazon đối với 09 tài khoản vơi tổng số tiền 8.805.000đ. Bên cạnh đó, L cũng thường xuyên hướng dẫn những người cho thuê thông tin tài khoản cách tạo lập tài khoản khi họ đến văn phòng để mở tài khoản.

Nguyễn Thị L1 làm việc cho D, T1 từ tháng 9/2024 đến ngày 14/3/2025. Tổng số tiền lương được nhận khoảng 27.000.000đ. Ngoài công việc đăng bán các sản phẩm trên sàn Amazon cho D và T1, L1 đã trực tiếp thu thập thông tin tài khoản ngân hàng đối với 20 tài khoản để đăng ký tạo lập 20 tài khoản bán hàng Amazon. Đến ngày 03/3/2025, sau khi L nghỉ việc thì L1 được chia sẻ địa chỉ truy cập vào tập tin "TỔNG ACC AMZ EZONE.xlsx", thực hiện cập nhật thông tin tài khoản ngân hàng của những người cho thuê và theo dõi các tài khoản Amazon đang hoạt động để gửi tiền phí thuê sàn. Theo sự chỉ đạo của T1, L1 cũng đã trực tiếp xin hoàn phí từ sàn Amazon được 05 tài khoản với tổng số tiền 4.959.915đ. Ngoài ra, L1 còn trực tiếp tạo tài khoản Amazon cho nhiều người khi họ được các nhân viên khác giới thiệu đến văn phòng để mở và cho thuê tài khoản.

Lã Mai L, Nguyễn Thị L1 không được Bàn Thương D và Dương Văn T1 thống nhất, bàn bạc thực hiện hành vi tàng trữ, thu thập trái phép tài khoản ngân hàng của người khác mà chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của D, T1 khi thuê người mở tài khoản, xin phí hoàn lại từ A, hướng dẫn người khác mở tài khoản và cập nhật, theo dõi dữ liệu các thông tin của người cho thuê tài khoản vào bảng tổng hợp để hưởng lương hằng tháng.

Bùi Văn T2 làm việc cho D, T1 từ tháng 7/2024 đến ngày 14/3/2025. Tổng số tiền lương được trả khoảng 40.000.000đ. Khoảng tháng 8/2024, D đăng bài lên nhóm Telegram chung yêu cầu tất cả nhân viên phải tìm người tạo tài khoản Amazon. T2 đã copy nội dung tin nhắn rồi đăng lên facebook cá nhân để quảng cáo mời người tạo tài khoản Amazon. Sau đó nhiều người (hầu hết là sinh viên) đã liên hệ với T2 để tạo tài khoản Amazon. T2 hướng dẫn họ hoặc T2 thực hiện các thao tác trên máy điện thoại cá nhân của người tạo tài khoản, yêu cầu họ chụp ảnh căn cước công dân, chụp sao kê tài khoản ngân hàng và các bước theo yêu cầu của A1. Ai đã có thẻ VISA thì cung cấp số thẻ, thông tin thẻ cho T2; nếu chưa có thì sử dụng App của ngân hàng để mở thẻ online rồi cung cấp thông tin cho T2. Sau khi thu thập đầy đủ thông tin của người khác để tạo tài khoản Amazon, T2 gửi vào nhóm zalo theo yêu cầu của T1 đồng thời giữ lại sao kê tài khoản ngân hàng của người tạo tài khoản và để tại văn phòng phục vụ việc xác minh sau này của A1. T2 đã trực tiếp thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng đối với 36 tài khoản để đăng ký tạo lập 36 tài khoản bán hàng Amazon. Để trả chi phí cho người cho thuê thông tin tài khoản ngân hàng, T1 chuyển tiền cho T2 để T2 trả cho người cho thuê và mở tài khoản.

Nguyễn Mạnh T3 làm việc từ tháng 7/2024 đến đầu tháng 10/2024. Tổng số tiền lương được nhận là khoảng 15.000.000đ. T3 trực tiếp thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng đối với 18 tài khoản để đăng ký tạo lập 18 tài khoản bán hàng Amazon.

Lã Tùng D2 và Nguyễn Tuấn H là nhân viên làm thuê cho D2 và T1 với công việc chính thiết kế hình ảnh sản phẩm đăng bán trên sàn thương mại điện tử Amazon. Do D2 yêu cầu các nhân viên đều phải tìm người đăng ký mở tài khoản bán hàng Amazon cho văn phòng nên D2 đã trực tiếp thu thập thông tin tài khoản ngân hàng đối với 02 tài khoản để đăng ký tạo lập 02 tài khoản bán hàng A1; H đã trực tiếp thu thập thông tin tài khoản ngân hàng đối với 01 tài khoản để đăng ký tạo lập 01 tài khoản bán hàng Amazon.

Nguyễn Thị Thùy D1, sinh năm 1995, HKTT: Thôn K, xã K, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên (là vợ của Bàn Thương D) cũng trực tiếp và nhờ em họ là Vũ Mạnh H2, sinh ngày 18/8/2002, trú tại thôn B, xã I, tỉnh Gia Lai giúp D thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng đối với 12 tài khoản để tạo lập 12 tài khoản bán hàng Amazon.

Khi tiến hành các hoạt động điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T đã phát hiện, thu giữ 75 bản sao kê tài khoản ngân hàng của người khác mà Bàn Thương D lưu trữ tại các vị trí khác nhau gồm: 39 bản được lưu trữ theo định dạng pdf tại 05 máy vi tính tạm giữ khi kiểm tra văn phòng làm việc của D; 01 bản lưu trữ dạng hình ảnh trên điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE Xs Max; 21 bản lưu trữ theo định dạng pdf tại máy tính xách tay nhãn hiệu HP Bang Olufsen; 14 bản giấy sao kê do D giao nộp và thu giữ khi khám xét người, phương tiện của D. Qua kiểm tra có 50 sao kê tài khoản ngân hàng phù hợp với dữ liệu lưu tại tập tin "TỔNG ACC AMZ EZONE.xlsx"; 25 sao kê có thông tin của 25 người nằm ngoài danh sách lưu tại tập tin này.

Như vậy: Bàn Thương D và Dương Văn T1 đã thu thập, tàng trữ trái phép tổng số **274** tài khoản ngân hàng có thông tin chủ tài khoản (**249** tài khoản tại tập tin Exel lưu trữ trên Google driver, **25** tài khoản sao kê ngân hàng) mở tại 10 ngân hàng gồm: A2, B, L4, M, T4, T5, V, V1, V2, V3. Qua xác minh, các chủ tài khoản đều không ủy quyền cho người khác sử dụng; việc thu thập, tàng trữ không được sự cho phép của các ngân hàng hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền *(danh sách thông tin cá nhân của 274 chủ tài khoản ngân hàng tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kèm theo bản án).*

Tài liệu điều tra xác định: Từ tháng 7/2024 đến tháng 3/2025, D và T1 đã chuyển 141.218.933đ vào tài khoản A1 để thanh toán tiền phí duy trì tài khoản, được sàn thương mại điện tử Amazon hoàn lại tổng số 3.919,02 USD tương đương 95.876.921đ của 98 tài khoản bán hàng. D và T1 sử dụng số tiền này vào việc trả tiền thuê thông tin tài khoản ngân hàng, trả lương nhân viên và một số chi phí khác cho hoạt động kinh doanh.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Dương Văn T1, Lã Mai L, Nguyễn Thị L1, Bùi Văn T2 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, dữ liệu điện tử, vật chứng thu giữ, sao kê tài khoản ngân hàng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến ... Riêng Bàn Thương D từ sau khi khởi tố bị can đã thay đổi lời khai, khai báo quanh co, không thừa nhận hành

vi vi phạm của mình cũng như vai trò của mình trong vụ án. Tuy nhiên với những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy việc thay đổi lời khai của Bàn Thương D là không có căn cứ mà nhằm mục đích chối tội.

* Vật chứng vụ án hiện đang được gửi bảo quản tại Kho vật chứng của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Thái Nguyên, gồm:

- 02 USB nhãn hiệu Kingston màu xám, đã qua sử dụng, được niêm phong ký hiệu "BTD-090625";

- 01 cây máy tính màu đen đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu "P11";

- 01 cây máy tính màu đen đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu "T11";

- 01 cây máy tính màu đen đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu "L11";

- 01 cây máy tính màu đen đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu "Y11";

- 01 cây máy tính màu đen đã qua sử dụng, niêm phong ký hiệu "H11";

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, đã qua sử dụng, có số sê-ri: C39X6780KPHF, không lắp thẻ sim, niêm phong trong phong bì ký hiệu "BTD-011125";

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, đã qua sử dụng, có số sê-ri: QH47D5WVW3, bên trong lắp 01 thẻ sim Viettel có số sê - ri: 8984048000945251758, niêm phong trong phong bì ký hiệu "BTD1-011125";

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP Bang Olufsen, đã qua sử dụng, có số sê-ri: CND14404RM, được niêm phong ký hiệu "BTD-071125".

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2026/HS-ST ngày 13/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên đã tuyên bố: Bị cáo Bàn Thương D phạm tội "*Thu thập, tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 291, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bàn Thương D **36** (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2025.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt đối với 04 bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 16/3/2026, bị cáo Bàn Thương D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng bị oan.

Ngày 11/6/2026, Toà án nhân dân tỉnh nhận được đơn trình bày của bị cáo Bàn Thương D gửi qua Ban giám thị trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T (viết ngày 09/6/2026) xin được hưởng sự khoan hồng với nội dung cụ thể: Quá trình tạm giam đến nay bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Các cơ quan tố tụng khởi tố, truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo làm đơn kính mong Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo là dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, gia đình là hộ nghèo, con còn nhỏ 1 tuổi, vợ bị cáo lao động tự do, việc làm không ổn định, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo kính mong sự khoan hồng của pháp luật xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, cho bị cáo

được hưởng án treo để trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: bị cáo Bàn Thương D thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích và giải thích pháp luật, bị cáo đã nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận tội, thừa nhận hành vi của bị cáo như đã truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất của vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn để xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, để giúp ích cho gia đình và xã hội.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Bị cáo D có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần này với vai trò đồng phạm giản đơn. Ngày 09/6/2026, bị cáo có đơn trình bày gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với nội dung: bị cáo xác định việc khởi tố, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với bị cáo về hành vi "*Thu thập, tàng trữ trái phép thông tin tin tài khoản ngân hàng"* là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo D là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và trong quá trình học tập, bị cáo được Nhà trường tặng thưởng nhiều giấy khen nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Đối chiếu với các quy định tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN - TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo thì có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển biện pháp cải tạo cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 3 Điều 291 BLHS, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định.

***Tại phần tranh luận*:**

Quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo D: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Do thiếu hiểu biết về pháp luật nên quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên toà sơ thẩm bị cáo không nhận tội, kêu oan. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích pháp luật, thừa nhận hành vi của bị cáo là phạm tội, thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xóm và xã là vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của xã K, tỉnh Tuyên Quang, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, con còn nhỏ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và đề

nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện VKS đối đáp: VKS không nhất trí về việc các vị luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại cho bị cáo theo điểm h khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, vì: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án **36** tháng tù về tội "*Thu thập, tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*" là có căn cứ, đúng quy định. Trước khi xét xử phúc thẩm (ngày 09/6/2026) và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị cáo mới nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Bàn Thương D được thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Bàn Thương D đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo kêu oan ngày 16/3/2026; đồng thời giữ nguyên nội dung đơn trình bày ngày 09/6/2026, thay đổi yêu cầu kháng cáo sang xin được hưởng án treo. Việc thay đổi yêu cầu kháng cáo là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vụ án theo nội dung kháng cáo sửa đổi, bổ sung của bị cáo.

[3]. Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc, dữ liệu điện tử thu giữ từ tệp tin "TỔNG ACC AMAZON EZON", các bản sao kê tài khoản ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để kết luận:

Từ tháng 7/2024 đến tháng 3/2025, bị cáo Bàn Thương D cùng Dương Văn T1 đã có hành vi khởi xướng, cùng với các đồng phạm khác thực hiện việc thu

thập, tàng trữ trái phép thông tin của 274 tài khoản ngân hàng mở tại 10 ngân hàng khác nhau của người khác (chủ yếu là sinh viên) mà không được sự đồng ý của chủ tài khoản hay cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhằm đăng ký tài khoản bán hàng trên sàn Amazon để trục lợi tiền hoàn phí của sàn thương mại điện tử này. D, T1 đã lợi dụng chính sách hoàn phí thuê sàn trong tháng đầu tiên của A1 thu lợi số tiền **95.876.921đ** (*chín mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi mốt đồng*), cụ thể:

D đầu tư kinh phí, máy móc và thuê 09 nhân viên. T1 trực tiếp quảng cáo trên Facebook để thuê người (chủ yếu là sinh viên) mở tài khoản với giá từ 500.000đ đến 700.000đ/người. Quy trình thực hiện gồm: thu thập ảnh CCCD, số thẻ VISA, mã bảo mật CVV/CVC, sao kê ngân hàng và yêu cầu xác thực khuôn mặt. Sau khi tài khoản được kích hoạt và A1 hoàn phí, các bị cáo yêu cầu người thuê chuyển lại tiền phí đó cho mình. Để tạo lòng tin, D còn ký "Giấy cam kết" không sử dụng thông tin vào mục đích vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, thực tế D đã lập file Excel "TỔNG ACC AMAZON EZON.xlsx" lưu trên Google Drive của D có địa chỉ và chỉ đạo nhân viên lưu trữ trái phép thông tin của **274** tài khoản ngân hàng (gồm tên chủ thẻ, số thẻ, mã bảo mật, sao kê...). Khi cơ quan Công an kiểm tra vào tháng 3/2025, toàn bộ dữ liệu tàng trữ trái phép này đã bị phát hiện và thu giữ. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã vi phạm khoản 5 Điều 8 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

Điều 8. Các hành vi bị cấm

"5. *Mở hoặc duy trì tài khoản thanh toán, ví điện tử nặc danh, mạo danh; mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn tài khoản thanh toán, ví điện tử; thuê, cho thuê, mua, bán, mở hộ thẻ ngân hàng (trừ trường hợp thẻ trả trước vô danh); lấy cắp, thông đồng để lấy cắp, mua, bán thông tin tài khoản thanh toán, thông tin thẻ ngân hàng, thông tin ví điện tử*".

[4]. Với hành vi nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2026/HS-ST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên tuyên bố bị cáo Bàn Thương D phạm tội "Thu thập, tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[5]. Xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Bàn Thương D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1]. Về vai trò và tính chất hành vi: Trong vụ án này, hai bị cáo Bàn Thương D, Dương Văn T1 cùng là người cùng khởi xướng, chuẩn bị thiết bị máy tính và quản lý tài chính nên hai bị cáo D và T1 tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, giữ vai trò chính trong vụ án; hành vi của các bị cáo mang tính chất bộc phát, nhất thời, công cụ và thủ đoạn thực hiện phạm tội đơn giản, không mang tính chất chuyên nghiệp hay tinh vi, xảo quyệt.

[5.2]. Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy:

- Về thái độ khai báo: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo D có thái độ khai báo quanh co, chối tội, gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án và chưa được cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, sau khi bị tạm giam và qua quá trình giáo dục pháp luật, bị cáo đã nhận thức sâu sắc được hành vi sai phạm của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã thay đổi nhận thức, khai báo thành khẩn, tự nguyện nhận tội và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới tại cấp phúc thẩm quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về hoàn cảnh gia đình và nhân thân: Bị cáo D là người dân tộc thiểu số (Dân tộc Dao), trình độ hiểu biết pháp luật còn có phần hạn chế; gia đình bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; bị cáo có con nhỏ sinh năm 2025 (1 tuổi), vợ không có việc làm ổn định và bị cáo là lao động chính trong gia đình. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bản thân bị cáo từ khi phạm tội đến nay không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác.

[6]. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Hơn nữa, bị cáo đã bị tạm giam gần 8 tháng là khoảng thời gian đủ để bị cáo tự suy ngẫm về việc làm của mình nên Hội đồng xét xử xét thấy đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Bàn Thương D được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, vẫn đảm bảo việc răn đe, cải tạo, phòng ngừa chung.

[7]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Bàn Thương D; sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt, giữ nguyên mức hình phạt 36 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác là phù hợp.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo D có hoàn cảnh khó khăn, chưa có thu nhập nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[9]. Xét thấy ý kiến của các vị luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54 BLHS giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ, nên không được chấp nhận; đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo được HĐXX xem xét là có căn cứ được chấp nhận; mức án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[10]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Bàn Thương D được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[11]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bàn Thương D. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 75/2026/HSST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bàn Thương D phạm tội: "*Thu thập, tàng trữ trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 291; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Bàn Thương D **36** (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay cho bị cáo Bàn Thương D tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm nào khác. Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh T có trách nhiệm trả tự do cho bị cáo theo quy định.

Giao bị cáo Bàn Thương D cho Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giáo dục người được hưởng án treo, Công an xã K, tỉnh Tuyên Quang trực tiếp thực hiện việc giám sát người được hưởng án treo trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Bàn Thương D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 75/2026/HSST ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 1- Thái Nguyên;
- TAND Khu vực 1- Thái Nguyên;
- Các bị cáo;
- Hồ sơ THAHS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Toàn

- Lưu hồ sơ vụ án.